TÒA ÁN NHÂN DÂN **KHU VỰC 2 - ĐỒNG THÁP**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: **102**/2026/DS-ST
Ngày: 26/02/2026
V/v tranh chấp *"Hợp đồng tín dụng"*

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 2 - ĐỒNG THÁP

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà **Nguyễn Bích Thiền**.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông **Phan Thanh Hoàng**

2. Bà **Nguyễn Thị Loan**

***- Thư ký phiên tòa*:** Bà **Nguyễn Thị Khánh Quyên** - Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 2 - Đồng Tháp.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 2 - Đồng Tháp tham gia phiên tòa: Ông **Trần Huỳnh Đức Lập** - Kiểm sát viên.

Ngày 26 tháng 02 năm 2026, tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 2 - Đồng Tháp xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 814/2025/TLST-DS ngày 01 tháng 12 năm 2025, về việc *"Tranh chấp hợp đồng tín dụng"* theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 166/2026/QĐXXST-DS ngày 06 tháng 02 năm 2026 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Ngân hàng thương mại cổ phần T.

Địa chỉ: Láng H, phường Đ, thành phố Hà Nội.

Đại diện theo pháp luật: Ông Ngô Chí D - Chủ tịch Hội đồng quản trị.

Đại diện theo ủy quyền: Ông Đỗ Thành T - Phó Giám đốc Trung tâm thu hồi nợ khách hàng doanh nghiệp và xử lý pháp chế.

Người được ủy quyền lại:

- Ông Nguyễn Thanh D1 - Cán bộ xử lý nợ. (có mặt)

- Bà Trần Thị Ái H - Trưởng bộ phận xử lý nợ.

Cùng địa chỉ: Hùng V, phường MT, tỉnh Đồng Tháp.

2. Bị đơn: Anh Nguyễn Văn M, sinh năm 1971. (có mặt)

Địa chỉ: Khu phố N, phường LT, tỉnh Đồng Tháp.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

**** Theo đơn khởi kiện ngày 07 tháng 11 năm 2025 và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn Ngân hàng thương mại cổ phần T trình bày:***

Anh M đã vay vốn của Ngân hàng TMCP T theo 03 hợp đồng tín dụng sau:

- Hợp đồng tín dụng số LN2308039899049, hồ sơ giải ngân số 325-P-9367792 ngày 08/8/2023, hạn mức vay: 55.000.000 đồng, thời hạn vay: 60 tháng, mục đích vay: tiêu dùng cá nhân, ngày mở thẻ: 08/8/2023. Quá trình thực hiện hợp đồng, anh M đã trả được số tiền gốc là 530.885.642 đồng, số tiền lãi là 27.851.684 đồng, phí là 1.347.300 đồng và ngưng thanh toán từ ngày 13/7/2025 đến nay. Tính đến ngày 28/01/2026, anh M còn nợ lại tổng số tiền là 86.996.467 đồng, trong đó nợ gốc là 66.512.323 đồng và nợ lãi là 20.484.144 đồng.

- Hợp đồng tín dụng số LN2307319866159, hồ sơ giải ngân số LD2321402143 ngày 02/8/2023, hạn mức vay: 200.000.000 đồng, thời hạn vay: 60 tháng, mục đích vay: mua đồ gia dụng. Quá trình thực hiện hợp đồng, anh M đã trả được số tiền gốc là 50.790.300 đồng, số tiền lãi là 72.848.280 đồng, trong đó: lãi trong hạn là 72.820.479 đồng, lãi quá hạn là 27.801 đồng và ngưng thanh toán từ ngày 07/7/2025 đến nay. Tính đến ngày 28/01/2026, anh M còn nợ lại tổng số tiền là 181.860.238 đồng, trong đó nợ gốc là 149.209.700 đồng và nợ lãi là 32.650.538 đồng, trong đó: nợ lãi trong hạn là 2.720.914 đồng và nợ lãi quá hạn là 29.929.623 đồng.

- Hợp đồng cho vay số LD214172257420120700, hồ sơ giải ngân số LD2421501100 ngày 02/8/2024, hạn mức vay: 60.000.000 đồng, thời hạn vay: 60 tháng, mục đích vay: phục vụ nhu cầu đời sống. Quá trình thực hiện hợp đồng, anh M đã trả được số tiền gốc là 4.693.297 đồng, số tiền lãi là 15.923.839 đồng và ngưng thanh toán từ ngày 07/7/2025 đến nay. Tính đến ngày 28/01/2026, anh M còn nợ lại tổng số tiền là 72.539.370 đồng, trong đó nợ gốc là 55.306.703 đồng và nợ lãi là 17.232.667 đồng, trong đó: nợ lãi trong hạn là 1.519.805 đồng và nợ lãi quá hạn là 15.712.862 đồng.

Do anh M đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ như nêu trên nên toàn bộ các khoản vay đã bị chuyển sang nợ quá hạn với lãi suất quá hạn và ngân hàng đã thông báo thu hồi nợ trước hạn nhưng anh M vẫn không thanh toán. Nay Ngân hàng TMCP T yêu cầu anh M trả nợ gốc và lãi theo các hợp đồng nêu trên với tổng số tiền nợ gốc là 271.028.726 đồng và tổng nợ lãi tạm tính đến ngày 26/02/2026 là 76.891.341 đồng, tổng cộng là 347.920.067 đồng. Tuy nhiên, nếu anh M trả nợ 01 lần trong hạn 02 tháng thì ngân hàng sẽ giảm tiền lãi là 30.000.000 đồng và nếu anh M không đồng ý thì ngân hàng yêu cầu anh M phải thanh toán ngay số nợ gốc và nợ lãi nêu trên khi án có hiệu lực pháp luật. Ngoài ra, anh M còn phải tiếp tục trả lãi phát sinh theo thỏa thuận tại các hợp đồng tín dụng đã ký kết kể từ ngày 27/02/2026 cho đến khi thanh toán hết nợ.

**** Quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, bị đơn anh Nguyễn Văn M***

trình bày:

Anh thừa nhận có ký 03 hợp đồng tín dụng nêu trên như đại diện ngân hàng trình bày. Tuy nhiên, anh vay dùm chị Nguyễn Thị Mỹ L, trước đây cư trú tại khu phố XD, phường LT, tỉnh Đồng Tháp. Do chị L làm ăn thất bại nên ngưng không trả nợ gốc và lãi theo đúng thỏa thuận trong các hợp đồng mà anh đã ký kết. Anh không biết rõ nơi cư trú hiện nay của chị L, anh chỉ biết hiện chị L đi làm tại thành phố Hồ Chí Minh và anh không còn liên lạc được với chị L. Nay anh cũng đồng ý chịu trách nhiệm với ngân hàng vì anh đã ký tên vào hợp đồng nhưng hoàn cảnh kinh tế của anh đang gặp nhiều khó khăn và không có tài sản gì khác ngoài lương hưu hàng tháng khoảng hơn 10.000.000 đồng, anh còn phải nuôi 02 người con nên anh xin trả dần mỗi tháng từ 4.000.000 đồng đến 5.000.000 đồng cho đến khi hết nợ. Nếu ngân hàng không đồng ý thì anh xin trả số nợ nêu trên trong hạn 06 tháng, mỗi tháng trả 50.000.000 đồng gồm nợ gốc và lãi cho đến khi hết nợ.

*** Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 2 - Đồng Tháp phát biểu quan điểm:**

- Về tố tụng: Việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và của những người tham gia tố tụng kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án đã chấp hành đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Về nội dung vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ vào các Điều 463, 466 Bộ luật Dân sự năm 2015 và các Điều 100, 103 Luật các tổ chức tín dụng năm 2024 xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Quan hệ tranh chấp giữa các bên đương sự là tranh chấp *"Hợp đồng tín dụng"* cần được xem xét, giải quyết theo quy định tại Điều 463 Bộ luật Dân sự năm 2015.

[2] Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, nhận thấy:

- Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ do nguyên đơn cung cấp và lời khai thừa nhận của anh M, Hội đồng xét xử có cơ sở xác định:

Anh M có vay tiền của Ngân hàng thương mại cổ phần T theo 03 Hợp đồng tín dụng gồm: Giấy đề nghị kiêm hợp đồng cấp hạn mức tín dụng thẻ, phát hành và sử dụng thẻ tín dụng, dịch vụ ngân hàng điện tử số LN2308039899049, hồ sơ giải ngân số 325-P-9367792 ngày 08/8/2023, hạn mức vay: 55.000.000 đồng; Hợp đồng tín dụng số LN2307319866159, hồ sơ giải ngân số LD2321402143 ngày 02/8/2023, hạn mức vay: 200.000.000 đồng; Hợp đồng cho vay số LD214172257420120700, hồ sơ giải ngân số LD2421501100 ngày 02/8/2024, hạn mức vay: 60.000.000 đồng.

Quá trình thực hiện hợp đồng, anh M đã vi phạm nghĩa vụ thanh toán mà hai bên thỏa thuận, ảnh hưởng đến quyền và lợi ích hợp pháp của ngân hàng nên việc ngân hàng khởi kiện yêu cầu anh có nghĩa vụ thanh toán nợ gốc và lãi phát sinh như nêu trên là hoàn toàn có căn cứ và phù hợp quy định tại khoản 1 Điều 466 Bộ luật Dân sự năm 2015; Điều 100 và Điều 103 Luật các tổ chức tín dụng năm 2024 nên được chấp nhận.

- Kể từ ngày 27/02/2026, anh M còn phải tiếp tục thanh toán cho Ngân hàng thương mại cổ phần T tiền lãi phát sinh theo các hợp đồng tín dụng đã ký kết cho đến khi thanh toán hết nợ.

- Về thời hạn trả nợ: Xét việc anh M yêu cầu được thanh toán nợ cho ngân hàng trong hạn 06 tháng nhưng không được đại diện ngân hàng đồng ý nên cần buộc anh có nghĩa vụ thanh toán cho ngân hàng số nợ nêu trên ngay khi án có hiệu lực pháp luật nhằm đảm bảo quyền và lợi ích hợp pháp của ngân hàng.

[3] Về án phí dân sự sơ thẩm:

- Do yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được chấp nhận nên bị đơn phải chịu toàn bộ án phí là 17.396.000 đồng theo quy định tại Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự và khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Tuy nhiên, anh M hiện có hoàn cảnh kinh tế khó khăn nên được giảm 1/2 án phí theo quy định tại khoản 1 Điều 13 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

- Nguyên đơn không phải chịu án phí nên được hoàn lại số tiền tạm ứng án phí đã nộp.

[4] Xét đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 2 - Đồng Tháp là có căn cứ chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào: *- Điều 463 và Điều 466 Bộ luật Dân sự năm 2015;*

- Điều 100 và Điều 103 Luật các tổ chức tín dụng năm 2024;

- Khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 và Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự;

- Khoản 1 Điều 13 và khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Ngân hàng thương mại cổ phần T.

- Buộc anh Nguyễn Văn M có nghĩa vụ trả cho Ngân hàng thương mại cổ phần T tổng số tiền nợ là **347.920.067 đồng** (Ba trăm bốn mươi bảy triệu chín trăm hai mươi nghìn không trăm sáu mươi bảy đồng), gồm nợ gốc là 271.028.726 đồng và nợ lãi tạm tính đến ngày 26/02/2026 là 76.891.341 đồng, thực hiện ngay khi án có hiệu lực pháp luật.

- Kể từ ngày 27/02/2026, anh M còn phải tiếp tục thanh toán cho Ngân hàng thương mại cổ phần T tiền lãi phát sinh theo thỏa thuận tại các hợp đồng tín dụng đã ký kết nêu trên cho đến khi thanh toán hết nợ.

2. Về án phí dân sự sơ thẩm:

- Anh M phải chịu 8.698.000 đồng.

- Hoàn lại Ngân hàng thương mại cổ phần T số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 7.711.467 đồng theo biên lai thu số 0009271 ngày 27/11/2025 của Thi hành án dân sự tỉnh Đồng Tháp.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành án theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Các đương sự được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Bích Thiền

*** Nơi nhận:**
- TAND tỉnh Đồng Tháp;
- VKSND KV.2 - Đồng Tháp;
- THADS tỉnh Đồng Tháp;
- Đương sự;
- Lưu HS, AV.